CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ.

Mã hồ sơ: .....

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Hình học và Tôpô

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM HOÀNG HÀ

2. Ngày tháng năm sinh: 02/03/1981; Nam ☑; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Thái Hòa, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): P10.04 CT3A Đô Thị mới Cổ Nhuế, Phường Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phạm Hoàng Hà, Khoa Toán-Tin, Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:.....; Điện thoại di động: 0333325568; E-mail: ha.ph@hnue.edu.vn;

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2003 đến năm 2005: Giáo viên Toán Trường THPT Chuyên Ngoại Ngữ, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ năm 2005 đến nay: Giảng viên Khoa Toán-Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: giảng viên.....; Chức vụ cao nhất đã qua:.....

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: 136 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan 024-37547823;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): ……..…….……

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ……năm ……..……

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ……..……..

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ……..…… ……

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 7 năm 2003, ngành: Toán, chuyên ngành: Giải tích.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 09 tháng 02 năm 2007, ngành: Toán học, chuyên ngành: Hình học – tôpô.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 11 tháng 9 năm 2013, ngành: Toán học, chuyên ngành: Hình học – tôpô.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

và Trường Đại học Tổng hợp Brest (Universite de Brest), Cộng hòa Pháp.

- Được cấp bằng TSKH ngày.... tháng..... năm..., ngành:....., chuyên ngành:.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):.....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày …… tháng ……. năm ……. ,

ngành: ……..……..

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+) Lý thuyết phân bố giá trị:

- Lý thuyết phân bố giá trị của ánh xạ phân hình giữa các đa tạp;

- Sự phân bố giá trị của ánh xạ Gauss của mặt cực tiểu; tính chất tôpô của mặt cực tiểu.

- Sự phân bố giá trị của ánh xạ Gauss của một số mặt nhúng trong không gian Euclid.

+) Lý thuyết đồ thị:

- Cây bao trùm của các lớp đồ thị;

- Vấn đề tô màu trong lý thuyết đồ thị.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) …… NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 đề tài NCKH cấp Trường;

- Đã công bố (số lượng) 14 bài báo KH, trong đó 12 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) …… bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: …….

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): ……..

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): …….

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu được giao. Đáp ứng tốt mọi tiêu chuẩn của một nhà giáo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 13 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	7/2014-6/2015				01	285		285/310/270
2	7/2015-6/2016				02	315		315/365/270
3	7/2016-6/2017			02	05	270	45	315/602,5/270
3 năm học cuối								
4	7/2017-6/2018			01		450	45	495/587,5/270

5	7/2018-6/2019			01		300	45	345/437,5/270
6	7/2019-nay					270	45	315/337,5/270

Trong đó chi tiết các năm như sau:

❖ Từ 7/2014 đến 6/2015:

Hướng dẫn: 01 sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp: Đỗ Thị Minh Thu.

Giảng dạy:

- Dạy môn Hình học sơ cấp 2 cho lớp Sư phạm Toán K61: 90 tiết.
- Dạy môn Hình học sơ cấp 2 cho lớp Cử nhân Toán K61: 30 tiết.
- Dạy môn Hình học sơ cấp 2 cho lớp CLC Toán K61: 30 tiết.
- Dạy môn Hình học sơ cấp 1 cho lớp Toán K62: 60 tiết.
- Dạy môn Hình học sơ cấp 1 cho lớp CLC Toán K62: 30 tiết.
- Dạy môn Hình học sơ cấp cho lớp Toán K10 Hạ Long: 45 tiết.

❖ Từ 7/2015 đến 6/2016:

Hướng dẫn: 02 sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp: Phí Tiến Cường và Phạm Ngọc Diệp.

Giảng dạy:

- Dạy môn Hình học sơ cấp 1 cho lớp Sư phạm Toán K63: 90 tiết.
- Dạy môn Hình học sơ cấp 1 cho lớp CLC Toán K63: 30 tiết.
- Dạy môn Hình học sơ cấp 2 cho lớp Toán K62: 120 tiết.
- Dạy môn Hình học sơ cấp 2 cho lớp CLC Toán K62: 30 tiết.
- Dạy môn Hình học sơ cấp 2 cho lớp Cử nhân Toán K62: 45 tiết.

❖ Từ 7/2016 đến 6/2017:

Hướng dẫn: 02 học viên cao học K25: Giáp Thị Lĩnh và Đỗ Thị Tuấn Minh

05 sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp: Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Đình Huy, Đặng Thắng Lợi, Nguyễn Thị Hà Phương, An Thị Thu Thủy.

Giảng dạy:

- Dạy môn Hình học sơ cấp 2 cho lớp Toán K63: 120 tiết.
- Dạy môn Hình học sơ cấp 2 cho lớp CLC Toán K63: 30 tiết.
- Dạy môn Hình học sơ cấp 2 cho lớp Cử nhân Toán K62: 45 tiết.
- Dạy môn Hình học lồi cho lớp Sư phạm Toán K64: 30 tiết.

- Dạy môn Hình học sơ cấp cho lớp CLC Toán K64: 45 tiết.

- Dạy môn Hình học phức hyperbolic cho lớp Cao học K25: 45 tiết.

❖ Từ 7/2017 đến 6/2018:

Hướng dẫn: 01 học viên cao học K26: Phạm Ngọc Diệp.

Giảng dạy:

- Dạy môn Hình học sơ cấp 2 cho lớp Toán K64: 45 tiết.

- Dạy môn Hình học vi phân 1 cho lớp Toán K8A VLVH Hà Nam: 45 tiết.

- Dạy môn Hình học vi phân 2 cho lớp Toán K8A VLVH Hà Nam: 45 tiết.

- Dạy môn Cơ sở hình học cho sinh viên Sư phạm Toán K64: 90 tiết.

- Dạy môn Cơ sở hình học cho sinh viên CLC K64 Toán: 45 tiết.

- Dạy môn Hình học lồi cho lớp Sư phạm Toán K65: 90 tiết.

- Dạy môn Hình học sơ cấp cho lớp Toán K13 Hạ Long: 45 tiết.

- Dạy môn Hình xạ ảnh cho lớp Toán 1B Trung cấp Cộng đồng Hà Nội: 45 tiết.

- Dạy môn Hình học phức hyperbolic cho lớp Cao học K26: 45 tiết.

❖ Từ 7/2018 đến 6/2019:

Hướng dẫn: 01 học viên cao học K27: Trần Thị Trang

Giảng dạy:

- Dạy môn Cơ sở hình học cho sinh viên Sư phạm Toán K65: 60 tiết.

- Dạy môn Đại số tuyến tính cho sinh viên Sư phạm Toán: 45 tiết.

- Dạy môn Thực hành dạy học toán cho sinh viên Sư phạm Toán K67: 45 tiết.

- Dạy môn Hình học tuyến tính cho sinh viên Sư phạm Toán K67: 60 tiết.

- Dạy môn Hình học vi phân 2 cho lớp Toán K13 VLVH Hạ Long: 45 tiết.

- Dạy môn Hình học lồi cho lớp Toán CLC K66 Toán: 45 tiết.

- Dạy môn Hình học Riemann cho lớp Cao học K27: 45 tiết.

❖ Từ 7/2019 đến nay:

Hướng dẫn:

Giảng dạy:

- Dạy môn Cơ sở hình học cho sinh viên Sư phạm Toán K66: 135 tiết.

- Dạy môn Cơ sở hình học cho sinh viên lớp CLC K66 Toán: 30 tiết.

- Dạy môn Hình học giải tích cho sinh viên Sư phạm Toán K67: 30 tiết.

- Dạy môn Hình học của nhóm biến đổi cho lớp Toán K14 VLVH Hạ Long: 30 tiết.

- Dạy môn Hình học lồi cho lớp Toán K14 VLVH Hạ Long: 45 tiết.

- Dạy môn Hình học Riemann cho lớp Cao học K28: 45 tiết.

- Lý thuyết ma trận cho sinh viên K69 Trường ĐHSPHN: 60 tiết

- Thực hành dạy học Toán cho sinh viên Sư phạm Toán K68: 45 tiết

- Hình học lồi cho lớp Toán 3A Trung cấp Cộng đồng Hà Nội: 45 tiết.

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:……

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại ☐ nước: ☐ ☐

……..; Từ năm …… đến năm ……

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: ……. năm……

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: …….số bằng: ……; năm cấp:……

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:……...

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ……

d) Đối tượng khác ☑; Diễn giải:

- Tôi làm NCS theo diện liên kết đào tạo giữa hai trường là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Việt Nam) và Trường Đại học Tổng hợp Brest (Universite de Brest, Cộng hòa Pháp) nên tôi có thời gian 02 năm học tập và nghiên cứu ở Pháp bằng Tiếng Anh và khi tôi làm thủ tục bảo vệ ở Việt Nam tôi phải viết luận án và bảo vệ luận án bằng Tiếng Anh trước Hội đồng có nhiều giáo sư nước ngoài tham gia. Tôi cũng nhận được bằng Tiến sĩ do trường Đại học Tổng hợp Brest của Pháp cấp.

- Trước khi đi học NCS tại Pháp, tôi có chứng chỉ tiếng anh TOEFL: 527 điểm.

- Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ tại Việt Nam, theo quy định về tiêu chuẩn ngoại ngữ đầu ra, tôi cũng đã thi và đạt chứng chỉ Tiếng Anh B2 năm 2013, tức là bậc 4 theo quy

định Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tôi cũng có thể hiểu các tài liệu chuyên môn bằng Tiếng Anh, đã tham gia và có báo cáo tại các hội thảo, hội nghị, xê-mi-na trong và ngoài nước sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh. Tôi cũng đã cùng các đồng nghiệp viết và công bố 14 bài báo bằng Tiếng Anh (trong đó có 09 bài tôi là tác giả viết chính Tiếng Anh các bài báo đó).

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Giáp Thị Lĩnh		X	X		2016-2017	Trường ĐHSP Hà Nội	2018
2	Đỗ Thị Tuấn Minh		X	X		2016-2017	Trường ĐHSP Hà Nội	2018
3	Phạm Ngọc Diệp		X	X		2017-2018	Trường ĐHSP Hà Nội	2018
4	Trần Thị Trang		X	X		2018-2019	Trường ĐHSP Hà Nội	2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Giáo trình Đại số tuyến tính và Hình học tuyến tính	GT	NXB ĐH Cần Thơ, 2013	02	Đỗ Đức Thái	Viết chung	Số150/GCN-ĐHSPHN
2	Giáo trình Cơ sở Hình học và Hình	GT	NXB ĐH Cần Thơ, 2013	02	Đỗ Đức Thái	Viết chung	Số150/GCN-ĐHSPHN

	học sơ cấp						

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: …….

……..

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Lý thuyết phân bố giá trị của ánh xạ Gauss của mặt cực tiểu đầy	CN	SPHN14-385 Toán, cấp Cơ sở	01/2014-06/2015	28/12/2015/Xuất sắc
2	Mối quan hệ giữa ánh xạ Gauss và độ cong toàn phần của mặt cực tiểu đầy	CN	SPHN16-01TT, cấp Cơ sở	01/2016-06/2017	30/10/2017/Xuất sắc

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị TS								

1	Unicity theorems with truncated multiplicities of meromorphic mappings in several complex variables sharing small identical sets for moving targets	3		International Journal of Mathematics/ ISSN 1029-167X	ISI, Scopus 0.738 Q2	7	21/9, 1095–1120	2010
2	A unicity theorem with truncated counting function for meromorphic mappings	1	Tác giả chính	Acta Mathematica Vietnamica/ ISSN 0251-4184	ESCI, Scopus 0.212 Q4	1	35/3, 439–456	2010
Sau khi bảo vệ học vị TS								
3	Ramification of the Gauss map of complete minimal surfaces in R^3 and R^4 on annular ends	2		Annales de la Faculté des Sciences de Toulouse Mathématiques/ ISSN 0240-2963		8	23/4, 829-846	2014
4	An estimate for the Gaussian curvature of minimal surfaces in R^m whose Gauss map is ramified over a set of hyperplanes	1	Tác giả chính	Differential Geometry and its Applications/ ISSN 0926-2245	ISI, Scopus 0.621 Q2	8	32, 130–138	2014
5	Non-integrated defect relations for the Gauss map of complete minimal surfaces with finite total curvature	2	Tác giả chính	Journal of Mathematical Analysis and Applications/ ISSN 0022-247X	ISI, Scopus 0.966 Q2	4	430/1, 76–84	2015
6	Ramification of the Gauss map of complete minimal surfaces in R^m on annular ends	3		Colloquium Mathematicum/ ISSN 0010-1354(p)	ISI, Scopus 0.405 Q2	1	142/2, 149-176	2016
7	The ramification of the Gauss map and the total curvature of complete minimal surfaces	3	Tác giả chính	Topology and its Applications/ ISSN 0166-8641	ISI, Scopus 0.574 Q2	3	199, 32–48	2016
8	Modified defect	1	Tác	Topology and	ISI,	1	234,	2018

	relations of the Gauss map and the total curvature of a complete minimal surface		giả chính	its Applications/ ISSN 0166-8641	Scopus 0.574 Q2		178–197	
9	A note on a unicity theorem for the Gauss maps of complete minimal surfaces in Euclidean four-space	2		Canadian Mathematical Bulletin/ ISSN 1496-4287	ISI, Scopus 0.433 Q2	1	61/2, 192-300	2018
10	Non-integrated defect relations for the Gauss map of a complete minimal surface with finite total curvature in R^m	1	Tác giả chính	Bulletin Mathematique de la Societe des Sciences Mathematiques de Roumanie/ ISSN 1220-3874	ISI, Scopus 0.267 Q3	2	61 (109)/2, 187-199	2018
11	Unicity theorems with truncated multiplicities of meromorphic mappings in several complex variables for few fixed targets	2		Ukrainian Mathematical Journal/ ISSN 1027-3190	ISI, Scopus 0.362 Q3	2	71/3, 470–494	2019
12	Spanning trees with at most 4 leaves in $K_{1,5}$-free graphs	3	Tác giả chính	Discrete Mathematics/ ISSN 0012-365X	ISI, Scopus 0.899 Q1	3	342/8, 2342–2349	2019
13	Spanning trees of connected $K_{1,t}$ -free graphs whose stems have a few leaves	2	Tác giả chính	Bulletin of The Malaysian Mathematical Sciences Socciety/ ISSN 0126-6705	ISI, Scopus 0.446 Q2	1	43, 2373–2383	2020
14	Gaussian curvature and unicity problem of Gauss maps of various classes of surfaces	1	Tác giả chính	Nagoya Mathematical Journal/ ISSN 0027-7630	ISI, Scopus 0.763 Q2		https://doi.org/10.1017/mj.2019.5 1-23 Online first	2019

Thông tin trích dẫn có tại địa chỉ: https://scholar.google.com.

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 08.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
…					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ……

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ..……

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ..……

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: ..……..…

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): …….

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ....
.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....
.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ....
.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội , ngày 10 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Hoàng Hà